

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 17/2024/DS-GĐT

Ngày 24-4-2024

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất,
đòi quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy
giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Minh Thủy - Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tiến Hùng;

Ông Trần Hồng Hà;

Ông Nguyễn Văn Dũng;

Bà Lương Ngọc Trâm;

- Thư ký phiên tòa: Bà Chí Thị Nhung - Thư ký viên Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiên Sơn - Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, đòi quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Cụ Bùi Văn N, sinh năm 1925; cư trú tại: Ấp Tân P, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1984; cư trú tại: Số 138, Ấp 3, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng (Văn bản ủy quyền ngày 15/3/2022).

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị S, sinh năm 1944; cư trú tại: Ấp Tân P, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1974; cư trú tại: Ấp Tân P, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng (Văn bản ủy quyền ngày 13/01/2020).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Bùi Thị T, sinh năm 1981;
2. Ông Bùi Văn H, sinh năm 1987;
3. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1971;
4. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1979;
5. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1974;

Cùng cư trú tại: Ấp Tân P, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị H1: Bà Nguyễn Thị P (Văn bản ủy quyền ngày 13/1/2020).

6. Ông Bùi Văn M, sinh năm 1954; cư trú tại: Ấp Vĩnh K, xã Vĩnh Q, thị xã Ngã N, tỉnh Sóc Trăng.

7. Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1980; cư trú tại: Ấp Tân P, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N1: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1981; cư trú tại: Ấp Tân P, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng (Văn bản ủy quyền ngày 13/11/2020).

8. Bà Hồ Thị T1, sinh năm 1988; cư trú tại: Ấp Tân P, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T1: Ông Bùi Văn H, sinh năm 1987; cư trú tại: Ấp Tân P, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng (Văn bản ủy quyền ngày 21/01/2021).

9. Ủy ban nhân dân huyện Thạnh T do ông Trần Văn U1 - Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng là đại diện theo ủy quyền; địa chỉ: Ấp 1, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng (Văn bản ủy quyền ngày 06/01/2020).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/6/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là cụ Bùi Văn N và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Diện tích đất hơn 02 công tầm cây tọa lạc tại ấp Tân P, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng trước đây là đất hoang, cụ Bùi Văn N đã khai phá và canh tác, sử dụng từ trước năm 1975 đến nay nhưng chưa làm thủ tục kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến khi cụ N có ý định xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mới biết ông Nguyễn Văn T2 (là chồng của bà Trần Thị S, chết năm 1994) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 171, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.150m² thuộc quyền sử dụng của cụ N. Thực tế, cụ N đã sử dụng diện tích đất này trên 30 năm, gia đình ông T2 không trực tiếp sử dụng đất. Sau khi biết sự việc trên, cụ N đã yêu cầu bà S (vợ ông T2) và các con của ông T2 trả lại diện tích đất trên cho cụ N nhưng bà S không đồng ý, các bên đã được Ủy ban nhân dân xã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Vì vậy, cụ N khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Thanh T cấp cho ông Nguyễn Văn T2 ngày 19/12/2003 đối với thửa 171, tờ bản đồ số 01, diện tích hơn 02 công tầm cây; công nhận cụ N có quyền sử dụng đối với diện tích đất nêu trên.

Bị đơn là bà Trần Thị S và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 1972, bà S sống cùng gia đình di dượng là cụ Bùi Văn N, cụ Trương Thị G. Vợ chồng cụ N hứa hẹn nếu bà S lấy ông T2 thì cụ N sẽ cho 03 công đất vườn và 10 công đất ruộng. Sau khi kết hôn với ông T2, cụ N cho vợ chồng bà S diện tích đất như đã hứa hẹn nêu trên; vợ chồng bà S đã cất nhà ở và canh tác đất ruộng. Năm 1982, cụ N xin lại 01 công đất vườn cho con rể của cụ N là ông Hồng Văn S1; vợ chồng bà S đồng ý. Phần đất còn lại 02 công, vợ chồng bà S tiếp tục sử dụng và đăng ký kê khai được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2003, bà S chuyển về chỗ khác sinh sống nhưng con của bà S vẫn thường xuyên canh tác, chăm sóc cây cối ở phần đất vườn. Cụ N thấy gia đình bà S không còn ở trên đất nên năm 2013 đã chiếm khoảng 01 công đất và cho ông Bùi Văn H (cháu của cụ N) cất nhà ở.

Bà S đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ N; yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà S đối với thửa số 171, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.150m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và buộc cụ N, ông H trả lại diện tích đất mà cụ N đã chiếm giữ năm 2013.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Bùi Thị T trình bày: Năm 2016, bà nhận chuyển nhượng của cụ N một phần diện tích đất thuộc thửa đất số 171 (phần đất trống đang tranh chấp) với giá là 100.000.000 đồng. Sau đó, bà làm thủ tục sang tên mới biết ông Nguyễn Văn T2 đã đứng tên. Bà đã gặp bà S để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục nhận chuyển nhượng. Ban đầu, bà S hứa cho mượn nhưng sau đó bà S không đồng ý. Khi nhận chuyển nhượng, bà đã thuê xe đồ đất, đào ao nuôi cá nhưng không có ai ngăn cản. Trước khi bà nhận chuyển nhượng, gia đình bà S biết nhưng không có ý kiến gì. Do đó, bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của cụ N, không đồng ý yêu cầu phản tố của bà S.

- Ông Bùi Văn H, bà Hồ Thị T1 trình bày: Phần đất ông bà đang sử dụng là của ông Bùi Văn M (cha ông H) tặng cho vợ chồng ông. Năm 2016, ông H làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mới biết ông T2 đã đứng tên. Ông H đã mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà S để làm thủ tục tách thửa đất, bà S đồng ý nhưng sau đó đổi ý nên xảy ra tranh chấp. Ông bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đồng ý yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Ông Bùi Văn M trình bày: Phần đất ông H đang sử dụng trước đây là do cụ N cho ông từ năm 1982. Đến năm 1990, vợ chồng ông chuyển đi chỗ khác ở nhưng ông vẫn canh tác trên phần đất này (trồng dừa, cây lấy gỗ, canh tác phần đất ruộng phía sau). Ông không đăng ký kê khai quyền sử dụng đất vì không thấy cán bộ địa phương xuống làm thủ tục. Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của cụ N, không đồng ý yêu cầu phản tố của bị đơn.

- *Tại Công văn số 584/UBND-VP ngày 20/11/2020, Ủy ban nhân dân huyện Thanh T trình bày: Thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T2 không có kiểm tra, xác minh đo đạc hiện trạng đất; việc cấp giấy là đúng trình tự, thủ tục quy định tại thời điểm cấp giấy. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T2 căn cứ vào sổ mục kê ruộng đất. Theo đó, ông T2 đứng tên sử dụng thửa 171, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.150m². Năm 1995, ông T2 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến năm 2003 thì được cấp đổi giấy. Đối với yêu cầu của cụ N về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T2 thì Ủy ban nhân dân huyện Thanh T không có ý kiến; sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật sẽ chỉ đạo các cơ quan liên quan thực hiện đúng quy định.*

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 18/02/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu công nhận phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 1.201,5m² (chưa trừ bờ kênh) và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Thanh T cấp cho ông Nguyễn Văn T2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu công nhận phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế có tổng diện tích 1.531,6m².

Công nhận phần đất có diện tích 1.201,5m² (chưa trừ phần đất bờ kênh), thuộc một phần thửa đất số 171, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp Tân P, xã Thanh T, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng cho cụ Bùi Văn N. Phần đất có số đo, vị trí và tứ cận, như sau:

+ Hướng Đông giáp đất bà Bùi Thị C có số đo 8,36m + 19,16m + 8,96m + 10,02m;

+ Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa 171 có số đo 39,12m + 8,81m;

+ Hướng Nam giáp kênh thủy lợi có số đo 26,89m;

+ Hướng Bắc giáp đất ông Bùi Văn H có số đo 14,64m + 11,91m

(Có sơ đồ hiện trạng kèm theo là phần đất có ký hiệu B, B1)

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về việc công nhận việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 1.531,6m² (chưa trừ phần đất bờ kênh) cho ông Nguyễn Văn T2 và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu cụ Bùi Văn N và ông Bùi Văn H giao trả phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 1.201,5m² (chưa trừ phần đất bờ kênh).

Công nhận phần đất có diện tích 1.531,6m² (chưa trừ phần đất bờ kênh), thuộc một phần thửa đất số 171, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp Tân P, xã Thanh T, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân huyện Thanh T cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T2 là đúng. Phần đất có vị trí, số đo tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp đất còn lại của thửa 171 do ông Bùi Văn H đang sử dụng có số đo 39,12m + 08,81m;

+ Hướng Tây giáp đất ông Hồng Văn S1 có số đo 29,07m + 8,97m + 9,31m;

+ Hướng Nam giáp kênh thủy lợi có số đo 33,48m + 2,70m;

+ *Hướng Bắc giáp đất ông Bùi Văn H có số đo 27,85m + 3,26m;*
(*Có sơ đồ hiện trạng kèm theo là phần đất ký hiệu A, A1, C và C1*)

3. *Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Thạnh T cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T2 ngày 22/4/1995 (cấp đổi ngày 19/12/2003) đối với phần đất có diện tích 2.150m², thửa đất số 171, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Tân P, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng để cấp lại cho đúng với thực tế đất của các đương sự đang tranh chấp.*

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/3/2021, cụ Bùi Văn N kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm nêu trên .

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 243/2022/DS-PT ngày 25/5/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận kháng cáo của cụ Bùi Văn N. Sửa Bản án sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 18/02/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Bùi Văn N.

- *Hủy 1 phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D08441841 ngày 22/4/1995 (cấp đổi số 7333130 ngày 19/12/2003) của Ủy ban nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T2, phần đất có diện tích 2.733,1m² thuộc thửa 171, tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại ấp Tân P, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.*

- *Công nhận phần đất có diện tích 2.733,1m² thuộc thửa đất số 171, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp Tân P, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng cho cụ Bùi Văn N. Phần đất có số đo, vị trí và tứ cận theo Bản đồ hiện trạng của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Sóc Trăng lập ngày 14/7/2020.*

Cụ Bùi Văn N và bà Trần Thị S được căn cứ vào bản án này để liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với cụ Bùi Văn N và cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với bà Trần Thị S.

Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí và chi phí tố tụng.

Ngày 09/9/2022, bà Trần Thị S có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 05/2024/KN-DS ngày 29/01/2024, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 243/2022/DS-PT ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 243/2022/DS-PT ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 18/02/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với Quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thừa đất số 171, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.150m² (đo đạc thực tế là 2.733,1m²) tại ấp Tân P, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 22/4/1995 (cấp đổi ngày 19/12/2003) đứng tên hộ ông Nguyễn Văn T2. Cụ Bùi Văn N cho rằng, diện tích đất nêu trên do cụ N khai phá và sử dụng liên tục từ trước năm 1975 đến nay, gia đình ông T2 không quản lý, sử dụng đất và tự ý kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này. Vì vậy, cụ N yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng diện tích đất nêu trên cho cụ N và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cho hộ ông T2. Bị đơn là bà Trần Thị S (vợ ông T2) cho rằng, cụ N đã tặng cho vợ chồng bà diện tích đất tranh chấp; năm 2013, cụ N bao chiếm một phần diện tích đất vườn và cho cháu của cụ N là ông Bùi Văn H cất nhà ở.

[2] Theo Sổ mục kê của xã Thạnh T, Biên bản xác minh ngày 12/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng và Sơ đồ thửa đất do cán bộ địa chính xã Thạnh T cung cấp thì ông T2 kê khai, đăng ký thửa đất số 171; cụ Bùi Văn N kê khai, đăng ký các thửa đất số 166, 167, 168, 170, 178 cùng tờ bản đồ số 01, trong đó có các thửa đất số 166, 170 liền kề với thửa đất số 171; ông T2 và cụ N đều được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng thời điểm năm 1995 đối với các thửa đất đã đăng ký. Tại Biên bản xác minh ngày 06/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thể hiện, ông Lê Văn N2 (cháu rể của cụ N, Công an viên ấp Thạnh T từ năm 1987 đến năm 1996) trình bày, vào năm 1992-1993, đoàn đo đạc xuống đo lập hồ sơ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo sự chỉ ranh của ông T2 và cụ N.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, người làm chứng là ông Lê Văn N2, ông Nguyễn Chánh K, ông Lê Kim H3, bà Nguyễn Thị L cho biết, vợ chồng ông T2, bà S cất nhà ở và canh tác sử dụng phần đất tranh chấp từ trước năm 1976. Tại Biên bản hòa giải tranh chấp đất ngày 19/6/1995 thể hiện Ban hòa giải xã Thạnh T xác định cụ N đã cho vợ chồng ông T2 1, 3 ha đất ruộng và phần đất nền nhà (trong đó có phần đất đang tranh chấp); cụ N cho rằng cho vợ chồng ông T2, bà S mượn phần đất trên, nay ông T2 chết nên cụ N xin lại diện tích đất này. Do đó, cụ N cho rằng đã sử dụng đất tranh chấp từ trước năm 1975 đến nay và vợ chồng ông T2, bà S tự ý kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này là không có cơ sở. Vì vậy, có căn cứ xác định cụ N đã cho và vợ chồng ông T2, bà S đã cất nhà ở ổn định từ năm 1972, đã đăng ký kê khai được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất tranh chấp.

[4] Diện tích 2.733,1m² đất tranh chấp có hai phần: phần thứ nhất có diện tích 1.531,6m² (chưa trừ phần đất bờ kênh); phần thứ hai có diện tích 1.201,5m² (chưa trừ phần đất bờ kênh) do ông H quản lý, sử dụng ổn định từ năm 2011 đến nay. Tại Biên bản hòa giải ngày 04/5/2019, bà Nguyễn Thị P (đại diện theo ủy quyền của bà S) thừa nhận cho lại cụ N phần đất mà hiện ông H đang sử dụng và tại phiên tòa sơ thẩm, bà P xác định nếu cụ N không tranh chấp thì đồng ý cho phần diện tích đất ông H đang sử dụng. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định công nhận diện tích 1.201,5m² đất cho cụ N, công nhận diện tích 1.531,6m² đất cho hộ gia đình ông T2 là đã có lợi cho cụ N. Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng gia đình bà S được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất nhưng không quản lý, sử dụng đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình ông T2 không đúng quy định của pháp luật, từ đó quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của cụ N là không có căn cứ và không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[5] Tại đơn đề nghị giám đốc thẩm ngày 09/9/2022, bà S đề nghị Tòa án nhân dân tối cao giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm. Do đó chỉ cần hủy Bản án dân sự phúc thẩm, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm để đảm bảo quyền lợi của các đương sự và tránh kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 337, khoản 2 Điều 343, Điều 344 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 05/2024/KN-DS ngày 29/01/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 243/2022/DS-PT ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất, đòi quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn là cụ Bùi Văn N với bị đơn là bà Trần Thị S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

3. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 18/02/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC;
- Vụ 9 VKSNDTC;
- TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng;
- Vụ Tổng hợp TANDTC (kèm hồ sơ vụ án)
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
- Trung tâm tư liệu – Thư viện TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, Thẩm phán chủ tọa, Vụ GDKTII TANDTC (02 bản), hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Minh Thủy